

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Ông Nguyễn Thanh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 274/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Bé S, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn V, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Mỹ Phước, Cục C10 Bộ Công An.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn X, sinh năm 1959 (xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Bé S trình bày: Chị với anh Ngô Văn V được gia đình hai bên tổ

chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng kí kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến khoảng 05 năm trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã tự sống ly thân, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn phụ thuộc như vợ chồng. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Ngô Thị Kim A, sinh ngày 31/3/2009 và Ngô Văn Bảo Q, sinh ngày 15/11/2013 hiện đang sống với ông nội tên Ngô Văn X và bà nội tên Nguyễn Thị Bé B. Nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh V.
- Về con chung: Ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2020 bị đơn anh Ngô Văn V trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đinh Thị Bé S về mối quan hệ hôn nhân, con chung. Nay với yêu cầu khởi kiện của chị S anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị S.
- Về con chung: Đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B cùng thống nhất trình bày: Ông bà là cha, mẹ ruột của anh Ngô Văn V và là cha, mẹ chồng của chị Đinh Thị Bé S. Hai cháu Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q là con của anh V và chị S, từ nhỏ đến giờ hai đứa nhỏ vẫn sống với ông bà. Nay chị S yêu cầu được ly hôn với anh V, ông bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bé S. Cho chị Đinh Thị Bé S được ly hôn với anh Ngô Văn V.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q cho anh Ngô Văn V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Đinh Thị Bé S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản - nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Đinh Thị Bé S khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Ngô Văn V, anh V có địa chỉ cư trú tại ấp 9, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ngô Văn V đang chấp hành án phạt tù, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Đinh Thị Bé S và anh Ngô Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/6/2009 tại Quển số 01/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Đinh Thị Bé S yêu cầu được ly hôn, tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2020 anh Ngô Văn V cũng đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, hiện anh V đã không còn tình cảm với chị S. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Đinh Thị Bé S được ly hôn với anh Ngô Văn V.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Đinh Thị Bé S và anh Ngô Văn V có 02 con chung tên Ngô Thị Kim A, sinh ngày 31/3/2009 và Ngô Văn Bảo Q, sinh ngày 15/11/2013 hiện đang sống với ông nội tên Ngô Văn X và bà nội tên Nguyễn Thị Bé B. Khi ly hôn, chị đồng ý giao hai con chung cho ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện tại chị đã có gia đình riêng, chị cũng có con nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và ở xa 02 con. Ý kiến của anh Ngô Văn V tại biên bản ghi lời khai anh đồng ý nuôi 02 con chung. Tại bản tự khai ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q khi chị S và anh V ly hôn. Xét thấy, hiện tại anh V đang chấp hành án phạt tù, không thể cũng như không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Đáng lẽ ra khi anh V không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì chị S phải là người có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung như theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhưng tại phiên tòa, chị S thừa nhận từ khi anh V và chị S ly thân với nhau vào khoảng năm 2016, thì 02 cháu Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q được ông nội là Ngô Văn X và bà nội là Nguyễn Thị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng đã có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, được ông bà cho đi học, chị S ít có thời gian đến thăm con. Tại bản tự khai, hai cháu Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q cũng có nguyện vọng được sống chung với ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B khi cha mẹ ly hôn. Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu*

guarantee good for the child; in case the child is not an adult, the child is an adult but lacks the ability to act on his own or does not have the ability to work and does not have assets to support himself but does not have a person to support according to Article 105 of the Law, then the father, mother, grandfather, grandmother have the duty to support the child". Article 105 of the Law on Marriage and Family 2014 stipulates: "The husband, wife, and child have the right, duty to love, care, help each other; have the right, duty to support each other in case of no parent or parent is unable to take care, support, educate the child".

Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, điều kiện học hành, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao 02 cháu Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q cho ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 104, Điều 105 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nếu sau này vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa có thể quyết định người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Đinh Thị Bé S không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị Bé S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng ý kiến về con chung không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 104, Điều 105 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bé S. Cho chị Đinh Thị Bé S được ly hôn với anh Ngô Văn V.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q cho ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B nuôi dưỡng.

Chị Đinh Thị Bé S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005509 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hưng.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 274/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về: “ Tranh chấp ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Bé S, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Văn V, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Mỹ Phước, Cục C10 Bộ Công An.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Ngô Văn X, sinh năm 1959 (xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 104, Điều 105 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bé S. Cho chị Đinh Thị Bé S được ly hôn với anh Ngô Văn V.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Ngô Thị Kim A và Ngô Văn Bảo Q cho ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị Bé B nuôi dưỡng.

Chị Đinh Thị Bé S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005509 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)